

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN CAO SU TẠI VIỆT NAM

● VÒNG THÌNH NAM - TRƯỞNG ĐÌNH NGUYỄN VŨ

TÓM TẮT:

Bài viết thông qua các phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh, đối chiếu để phân tích dữ liệu đã cho thấy thực trạng phát triển ngành Cao su Việt Nam gặp rất nhiều vấn đề: Chưa có quy hoạch cho ngành Chế biến cao su trên toàn quốc; các chính sách còn khó tiếp cận; Nguyên liệu cao su chủ yếu ở dạng thô, chưa qua chế biến; đa số doanh nghiệp chế biến cao su có quy mô nhỏ năng lực sản xuất hạn chế; công tác tiêu thụ sản phẩm chưa được chú trọng. Từ đó, có các giải pháp thiết thực góp phần phát triển ngành Công nghiệp chế biến cao su tại Việt Nam.

Từ khóa: chế biến cao su, công nghiệp chế biến, phát triển công nghiệp, chế biến cao su tại Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Ngành Công nghiệp chế biến cao su của Việt Nam được xem là một trong những ngành có tiềm năng phát triển rất lớn, nguồn cao su nguyên liệu dồi dào và ngày càng nhiều về số lượng. Bên cạnh đó, nhu cầu các sản phẩm chế tạo từ cao su để phục vụ cho các ngành công nghiệp của thị trường cũng rất lớn. Thực tế hiện nay, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu một số lượng lớn các sản phẩm cao su để phục vụ cho các ngành công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị, ngành giao thông vận tải, ngành nông nghiệp... Ngoài ra, còn phải nhập cả cao su đã qua chế biến, tổng hợp để làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm, trong khi chúng ta xuất khẩu lượng lớn mủ cao su dưới dạng nguyên liệu thô. Chính vì vậy, vấn đề đặt ra phải làm thế nào để phát triển ngành Công nghiệp chế biến cao su, sản xuất sản phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Thực trạng phát triển công nghiệp chế biến cao su tại Việt Nam

2.1.1. Quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến cao su

Ngành Công nghiệp chế biến cao su hiện nay đã được xây dựng và ban hành quy hoạch theo Quyết định số 750/QĐ-TTg; Quyết định số 4655/QĐ-BCT với mục tiêu chung xây dựng và phát huy các nguồn lực để thúc đẩy sản xuất nguyên liệu cao su phục vụ hoạt động chế biến cao su trong nước, giảm tỷ trọng nhập khẩu, tăng cường xuất khẩu; Chú trọng áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào khâu sản xuất; Sử dụng tối đa nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước, tận dụng lợi thế cạnh tranh, chế tạo sản phẩm có chất lượng cao và đẩy mạnh xuất khẩu.

2.1.2. Chính sách phát triển công nghiệp chế biến cao su

* Đối với các chính sách trong nước: có các

Quyết định số 2855/QĐ-BNN-KHCN; Quyết định số 750/QĐ-TTg; Chỉ thị số 1685/CT-TTg;... Ngoài ra, còn có một số văn bản, chương trình đề án khác và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong ngành Chế biến cao su vay vốn, hỗ trợ kỹ thuật, đầu tư máy móc thiết bị. Các chính sách trong nước khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động sản xuất, chế biến cao su, giải quyết tiêu dùng trong nước và thúc đẩy xuất khẩu (Chương Phượng, 2022)

* Đối với các chính sách quốc tế: các Hiệp định thương mại đa phương AFTA và song phương BTA, các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, VPA/FLEGT, RCEP mà Việt Nam đã tham gia cũng giúp ngành Chế biến cao su của Việt Nam có được mức độ cam kết cao, toàn diện, được nâng cao vị thế trên thế giới, giúp doanh nghiệp được tiếp cận với chuỗi giá trị toàn cầu.

2.1.3. Nguyên liệu chế biến sản phẩm cao su

* Nguồn nguyên liệu trong nước:

Trong 5 năm qua, năng suất cao su ở Việt Nam được đánh giá là mức cao nhất khu vực châu Á, đứng thứ hai trên thế giới. Mặc dù cung cấp lượng cao su rất lớn cho toàn cầu nhưng sản lượng phục vụ cho hoạt động chế biến sản phẩm công nghiệp chỉ chiếm khoảng 20% trên tổng số. Cơ cấu, chủng loại cao su Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu của các nhà sản xuất trong nước nên chủ yếu xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô. Đơn cử, ở lĩnh vực sản xuất lốp (vỏ) xe cần sử dụng chủng loại cao su SVR 20, RSS3... nhưng trong cơ cấu ngành cao su thiên nhiên Việt Nam thì những chủng loại này rất thấp nên bắt buộc phải nhập khẩu. (Minh Xuân, 2017) (Hình 1).

* Nguồn nguyên liệu nhập khẩu:

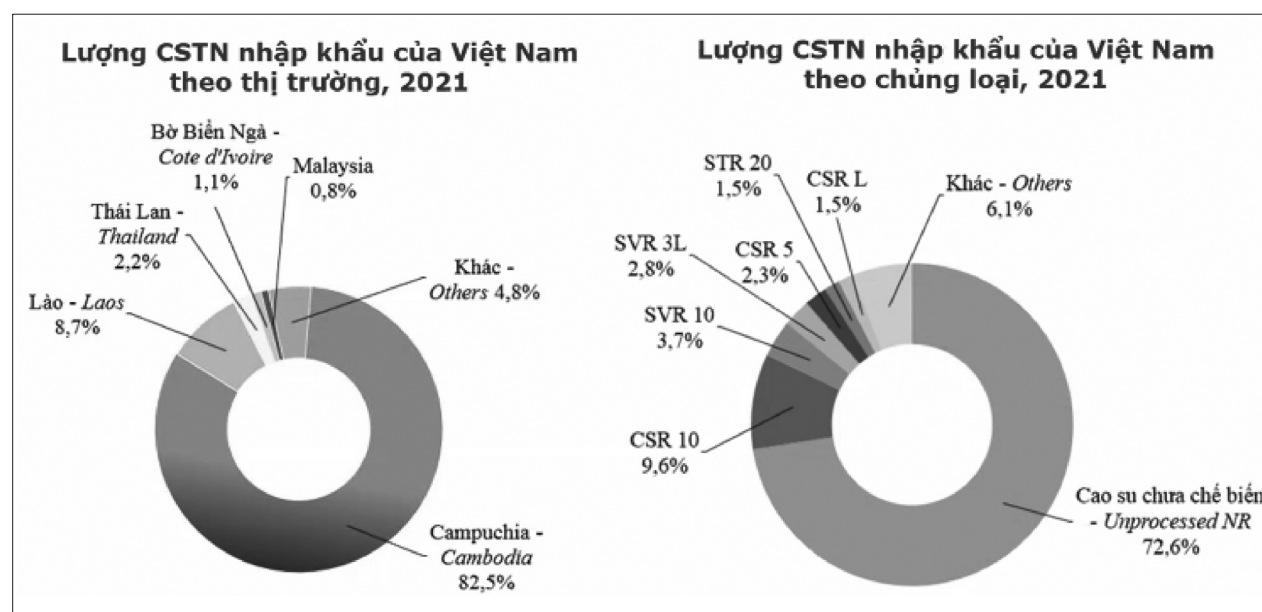
Hầu hết các doanh nghiệp trong nước chưa sản

Bảng 1. Sản lượng và năng suất cao su Việt Nam giai đoạn 2017 - 2021

	ĐVT	2017	2018	2019	2020	2021	TTBQ (%)
Sản lượng	Nghìn Tấn	1.094	1.142	1.173	1.226	1.260	3,59
Năng suất	Kg/ha/năm	1.676	1.664	1.675	1.680	1.682	0,09

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Hình 1: Thực trạng nhập khẩu cao su Việt Nam năm 2021



Nguồn: Hiệp hội Cao su Việt Nam

xuất được cao su tổng hợp để phục vụ hoạt động chế biến nên có nhiều nguyên liệu cao su phải nhập khẩu. Trong giai đoạn 2017 - 2021, sản lượng nhập khẩu cao su tổng hợp tăng bình quân 12,32%/năm, cho thấy nhu cầu sản xuất cao su chế biến trong nước đang không ngừng tăng lên.

Nghịch lý cho thấy mặc dù Việt Nam sản xuất được hàng nghìn tấn cao su mỗi năm nhưng không thể đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu cao su phục vụ chế biến trong nước mà phải phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Nguyên nhân là do cơ cấu chủng loại cao su Việt Nam chưa đáp ứng nhu cầu các nhà sản xuất trong nước. Chẳng hạn, các doanh nghiệp sản xuất lốp xe cần sử dụng chủng loại cao su SVR 20, SVR 10, RSS 3 nhưng những mặt hàng này có rất ít trong cao su thiên nhiên của Việt Nam. Trong khi đó, chủng loại SVL 3L chiếm đến 40 - 50% sản lượng cao su thiên nhiên của Việt Nam thì nhu cầu tiêu thụ trong nước không cao.

2.1.4. Quy mô, năng lực chế biến cao su

- Chế biến mủ cao su:

Tính đến năm 2019, Việt Nam có tổng số 170 nhà máy chế biến với công suất thiết kế trên 1,3 triệu tấn mủ khô/năm. Đông Nam bộ có nhiều nhà máy chế biến, chiếm 68,5% sản lượng toàn quốc, thuộc vùng có số lượng nhà máy, doanh nghiệp chế biến nhiều nhất trên toàn quốc.

Tính theo công suất thiết kế của các nhà máy chế biến, các công ty tư nhân có công suất thiết kế cao nhất, chiếm 64% tổng sản lượng, tiếp đến là các nhà máy thuộc Tập đoàn Cao su, các doanh nghiệp nhà nước cấp địa phương, doanh nghiệp nhà nước chiếm khoảng 42,6% tổng sản lượng. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã có công suất rất nhỏ so với các thành phần còn lại.

- Chế biến sản phẩm cao su:

Sản phẩm cao su đa dạng, bao gồm các sản phẩm như lốp xe, đế giày, băng tải, găng tay, chỉ thun và nhiều chủng loại sản phẩm khác. Sản xuất các sản phẩm này đòi hỏi trình độ công nghệ, máy móc và tay nghề cao hơn nhiều so với chế biến các sản phẩm thô (sơ chế mủ cao su).

Hiện nay có khoảng 456 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chế biến cao su với tổng lao động khoảng

61.701 người. Trong đó, tư nhân chiếm khoảng 70,4% về số đơn vị nhưng chỉ chiếm 23% về số lao động. Các con số này cho thấy phần lớn các doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp quy mô nhỏ, chủ yếu tập trung ở hoạt động chế biến thấp. Trong khi đó, khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ chiếm 27% về số đơn vị nhưng chiếm gần 61% về số lao động. Khối doanh nghiệp nhà nước chiếm 2% về số đơn vị và 16% về số lao động (Trần Thị Thủy Hoa và cộng sự, 2018)

Có thể thấy, quy mô sản xuất và chế biến cao su của các doanh nghiệp tương đối ổn định đáp ứng khả năng sản xuất. Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp chế biến cao su có mức tăng trưởng cao lại rơi vào các doanh nghiệp có đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp có quy mô lớn (Minh Xuân, 2017). Còn đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ thì khó tiếp cận nguồn nguyên liệu chất lượng cao, thiếu thông tin thị trường, đầu ra hẹp, công nghệ lạc hậu, quản lý kém, nhân lực yếu, khó tiếp cận vốn vay lãi suất ưu đãi, ít có điều kiện đẩy mạnh xúc tiến thương mại.

2.1.5. Tổ chức hoạt động tiêu thụ

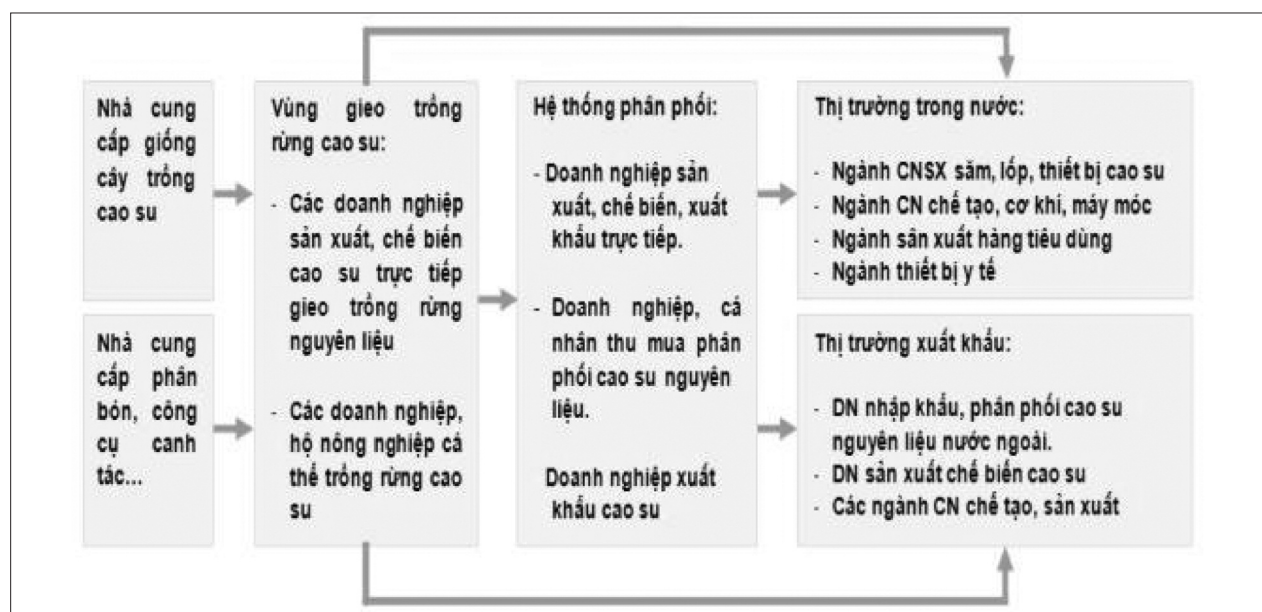
Việt Nam là nước tiêu thụ cao su thiên nhiên lớn thứ 11 trên thế giới. Các sản phẩm tiêu thụ chính trong nước chủ yếu là lốp xe chiếm 70% tổng giá trị sản phẩm cao su chế biến. Ngoài ra, còn tiêu thụ một số sản phẩm các chế biến từ cao su như nệm, găng tay y tế, thiết bị phụ tùng, ống cao su, băng tải... Nghịch lý các sản phẩm chế biến được tiêu thụ lại không thể sản xuất được trong nước, các doanh nghiệp lại phải nhập khẩu nguồn nguyên liệu cao su để sản xuất ra các sản phẩm trên.

2.2. Những vấn đề tồn tại trong phát triển công nghiệp chế biến cao su tại Việt Nam

Thứ nhất, về quy hoạch ngành công nghiệp chế biến cao su.

Ngành Công nghiệp chế biến cao su chưa nhận được sự quan tâm tương xứng, các quy hoạch mới chỉ dừng lại ở việc mở rộng diện tích trồng rừng cao su, không có quy hoạch cơ sở chế biến cao su toàn quốc và việc xây dựng nhà máy chưa gắn vùng nguyên liệu; chưa chú trọng đến phát triển ngành theo cấp địa phương.

Hình 2: Chuỗi giá trị ngành Chế biến cao su Việt Nam



Nguồn: Trần Thị Thủy Hoa và cộng sự, 2021

Thứ hai, về chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến cao su.

Để đầu tư nhà máy chế biến, chế tạo sản phẩm cao su, đòi hỏi phải có vốn lớn và một số điều kiện ưu đãi, trong khi đó đến nay, chính sách hỗ trợ phát triển ngành Cao su còn ít và chưa đủ mạnh mẽ, doanh nghiệp khó tiếp cận vay vốn, mặt bằng xây dựng... Các ngân hàng cũng cần phải đảm bảo hiệu quả nguồn tín dụng của họ nên xiết chặt các điều kiện cho vay khiến doanh nghiệp gặp khó khi tiếp cận các nguồn tín dụng ngân hàng.

Thứ ba, về tổ chức vùng nguyên liệu chế biến.

Cao su của Việt Nam chủ yếu ở dạng thô chỉ đáp ứng được 20% nhu cầu nguyên liệu chế biến của ngành Cao su trong nước, 80% nguyên liệu còn lại phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp khi các chính sách trong cũng như ngoài nước thay đổi sẽ ảnh hưởng đến số lượng, giá cả, chưa kể đến các vấn đề hàng nhập khẩu kém chất lượng, mất ổn định nguồn cung... Việc xác định chất lượng cao su nhập khẩu cũng phải thông qua các cơ quan chức năng xác nhận, trong khi doanh nghiệp chế biến cao su tại Việt Nam chưa quen

với cách thức tiếp cận các quy định, các thông tin, hiệp định thương mại trên thế giới...

Thứ tư, về quy mô, năng lực chế biến cao su.

Ngành Chế biến cao su tăng trưởng chủ yếu nhờ vào các doanh nghiệp có quy mô lớn, có vốn đầu tư nước ngoài và một số doanh nghiệp trong nước có năng lực sản xuất lớn. Còn lại đa phần là các doanh nghiệp chế biến cao su có quy mô nhỏ, năng lực sản xuất hạn chế, công nghệ lạc hậu, nhân lực yếu, quản lý kém, khó tiếp cận vốn vay lãi suất ưu đãi, thiếu thông tin thị trường, đầu ra hẹp, ít có điều kiện đẩy mạnh xúc tiến thương mại...

Thứ năm, về hoạt động tiêu thụ.

Thị trường tiêu thụ nội địa chưa được chú trọng, chưa có mối liên kết chặt chẽ trong quá trình chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phần lớn các doanh nghiệp chưa tạo được mối quan hệ với khách hàng chiến lược để có được sự ổn định trong việc tiêu thụ. Các doanh nghiệp hiện nay cũng chưa chú trọng vào các hoạt động xúc tiến thương mại, chưa chú trọng đầu tư xây dựng thương hiệu, khiến cho việc tiêu thụ sản phẩm sau chế biến còn nhiều hạn chế và kém phát triển.

3. Giải pháp phát triển công nghiệp chế biến cao su tại Việt Nam

❖ *Giải pháp về quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến cao su*

Nhà nước cần có quy hoạch tổng thể, khoa học đối với việc phát triển ngành Chế biến cao su. Ngành Cao su Việt Nam cần phải cơ cấu lại sản phẩm theo hướng chế biến sâu để nâng cao giá trị sản phẩm. Cần đẩy mạnh triển khai quy hoạch diện tích trồng cao su, định hướng phát triển chủng loại cao su đáp ứng nhu cầu thị trường. Chú trọng quy hoạch toàn ngành Cao su, đặc biệt là công nghiệp chế biến cao su.

❖ *Giải pháp về chính sách phát triển công nghiệp chế biến cao su*

Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực chế biến sản phẩm cao su hoặc các sản phẩm có sử dụng nguyên liệu cao su sản có tại Việt Nam như miễn giảm tiền thuê đất, ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi thuế nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến chế tạo sản phẩm cao su. Bên cạnh đó, cần phải khuyến khích các doanh nghiệp chế biến cao su tại Việt Nam đổi mới thiết bị, áp dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến, mở rộng quy mô đầu tư, xuất khẩu sản phẩm cao su chế biến, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Cần có chính sách khuyến khích doanh nghiệp mở rộng sản xuất, giảm phụ thuộc nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

❖ *Giải pháp về tổ chức vùng nguyên liệu chế biến cao su*

Nhà nước cần phải có những cơ chế, chính sách để hỗ trợ các doanh nghiệp có thể đầu tư trồng rừng, mở rộng diện tích trồng loại cao su phục vụ hoạt động chế biến. Bên cạnh đó, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để giúp việc nhập khẩu nguyên liệu trở nên dễ dàng hơn.

❖ *Giải pháp về tổ chức sản xuất và chế biến cao su*

Các doanh nghiệp cũng cần đẩy mạnh việc ứng dụng các thiết bị công nghệ máy móc hiện đại để sản xuất ra các loại nguyên liệu cao su đa dạng và phong phú hơn, đáp ứng đầu vào cho các ngành công nghiệp cần nguyên liệu cao su đầu vào như các loại cao su SVR 10, SVR 20.

❖ *Giải pháp về tổ chức công tác tiêu thụ*

Các hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp cần tăng cường hợp tác, tạo lập và hình thành chuỗi liên kết từ khâu chế biến đến tiêu thụ cho sản phẩm cao su chế biến, nhằm nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng, chú trọng xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm cao su chế biến; Nắm bắt và khai thác tối đa lợi ích từ các hiệp định thương mại mang lại để tìm hướng xuất khẩu cho sản phẩm cao su chế biến. Các doanh nghiệp trong nước cũng cần tăng cường công tác xúc tiến thương mại để thúc đẩy hoạt động tiêu thụ sản phẩm kể cả trong nước lẫn quốc tế.

4. Kết luận

Trong những năm qua, ngành Công nghiệp chế biến cao su đã đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng của ngành Cao su Việt Nam, giúp doanh nghiệp và người trồng tăng thêm thu nhập, có nguồn tài chính để tái canh và duy trì diện tích trồng cao su. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, ngành cũng đang bộc lộ nhiều hạn chế, từ việc phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, cơ cấu sản xuất cao su chưa phù hợp, hoạt động tiêu thụ còn yếu kém... Từ đó, đòi hỏi cần nhanh chóng thực hiện một số giải pháp để phát triển ngành Công nghiệp chế biến cao su, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành trong quá trình hội nhập, phát triển ngành này trở thành một trong những ngành có mục tiêu tăng trưởng mạnh của đất nước ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Trần Thị Thúy Hoa, Tô Xuân Phúc, Nguyễn Tôn Quyền, Cao Thị Cẩm (2018). Báo cáo ngành Cao su Việt Nam: Thực trạng và giải pháp phát triển bền vững. Truy cập tại: <https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Bao%20cao%20tong%20quan%20nganh%20cao%20su.%20FN.2018.pdf>.
2. Tổng cục Thống kê Việt Nam. Niên giám Thống kê năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.

3. Trần Thị Thúy Hoa và cộng sự (2021). Chuỗi cung ứng ngành Cao su Việt Nam: Một số nét chính và vai trò của cao su tiêu dùng. Truy cập tại: <https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Chuoi%20cung%20nganh%20cao%20su%20va%20vai%20tro%20cua%20tieu%20dien.pdf>.
4. Hiệp hội Cao su Việt Nam (2022). Ấn phẩm Số liệu thống kê cao su Việt Nam 2017 - 2021.
5. Chương Phượng (2022). Chính sách thuế đang trỗi ngành Cao su. Truy cập tại: <https://vneconomy.vn/chinh-sach-thue-dang-troi-nganh-cao-su.html>.
6. Minh Xuân (2017). Nâng cao giá trị ngành công nghiệp chế biến cao su. Truy cập tại: <https://www.sggp.org.vn/nang-cao-gia-tri-nganh-cong-nghiep-che-bien-cao-su-448531.html>.

Ngày nhận bài: 14/2/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 14/3/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/3/2023

Thông tin tác giả:

1. TS. VÒNG THÌNH NAM¹

2. TRƯƠNG ĐÌNH NGUYỄN VŨ²

¹Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

²Học viên cao học, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

DEVELOPING VIETNAM'S RUBBER PROCESSING INDUSTRY

● Ph.D **VONG THINH NAM¹**

● Ph.D student **TRUONG DINH NGUYEN VU²**

¹Lecturer, Ho Chi Minh City University of Technology and Education

²Ho Chi Minh City University of Technology and Education

ABSTRACT:

By using analyzing, synthesizing, comparing data methods, this study points out that the development of Vietnam's rubber processing industry is facing many problems. For example, Vietnam has not yet had a national development plan for the rubber processing industry; policies are still difficult for enterprises to access and implement; raw materials are mainly unprocessed rubber; most rubber processing enterprises are small with limited production capacity; and the product consumption has not received adequate attention. Based on the study's findings, some solutions are proposed to support the development of Vietnam's rubber processing industry.

Keywords: rubber processing, rubber processing industry, developing rubber processing industry in Vietnam.